ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG THƯỢNG CÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ đường vào khu công nghiệp Nam Thăng Long đến đường vành đai 3,5 trên địa bàn phường Thượng Cát

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND phường Thượng Cát)

I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN:

1. Họ và tên người sử dụng đất *(hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật)* : **Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Thảo**
   - Mã số định danh cá nhân: 001064012654
   - Nơi thường trú: TDP Thượng Cát 3, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội.
   - Nơi ở hiện nay: TDP Thượng Cát 3, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội.
   - Số điện thoại: 0975815326
2. Họ và tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất *(hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật)* : **Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Thảo**
   - Mã số định danh cá nhân: 001064012654
   - Nơi thường trú: TDP Thượng Cát 3, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội.
   - Nơi ở hiện nay: TDP Thượng Cát 3, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội.
   - Số điện thoại: 0975815326
3. Địa chỉ nơi thu hồi đất: Phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội.
4. Tổng số nhân khẩu hiện tại nơi thu hồi đất : 6 khẩu *(Trong đó: 5 khẩu đủ điều kiện và 1 khẩu không đủ điều kiện hỗ trợ)*
5. Tổng diện tích đất đang sử dụng: 952,0 m^2;
   Trong đó:
   - Diện tích đất trong chỉ giới thu hồi tại dự án: 49,9 m^2;
   Trong đó:
   + Đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất: 49,9 m^2;
   - Diện tích đất ngoài chỉ giới thu hồi tại dự án: 902,1 m^2;
6. Tỷ lệ % diện tích đất NN đủ điều kiện bồi thường đang sử dụng bị thu hồi đến thời điểm hiện tại: **5,24%**

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Stt	Nội dung bồi thường, hỗ trợ đất	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá *(đồng/m2)*	Tỷ lệ BT, HT (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(4)x(5)x(6)*	*(8)*
1	Đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất:	m2	49,9	290.000	100%	14.471.000	
	Tổng cộng: (A)					**14.471.000**	

2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi:

2.1. Bồi thường đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp theo quy định: Không

2.2. Nhà, công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định:

Stt	Tên tài sản (loại nhà, công trình, quy cách…)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Giá trị xây mới	Thời gian khấu hao *(năm)*	Thời gian đã qua sử dụng *(năm)*	Giá trị hiện có	Mức bồi thường	Tỷ lệ BT, HT (%)	Thành tiền *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(4)x(5)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
	Tổng tiền: (B)										**0**	

2.3. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ,…):

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1	Rau muống	m2	12,0	19.600	100%	235.200	
2	Cỏ trên diện tích thu hồi còn lại	m2	37,9	0	0%	0	*Không đủ điều kiện được bồi thường theo Khoản 2 Điều 105 và Điều 103 Luật Đất đai năm 2024*
	Tổng cộng: (C)					**235.200**	

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:

Stt	Khoản bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(4)x(5)*	*(7)*
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (bằng 5 lần giá đất nông nghiệp): 290.000đ/m2 x 5 lần = 1.450.000đ/m2.	m2	49,9	1.450.000	72.355.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp dưới 30% diện tích đất NN đang sử dụng (30kg x 3 tháng x 16.600đ/kg = 1.494.000đ/khẩu nông nghiệp).	Khẩu	5	1.494.000	7.470.000	
3	Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 10.000đ/m2 nhưng tối đa không quá 10.000.000đ/chủ sử dụng đất.	m2			0	*Sẽ được phê duyệt sau khi người sử dụng đất đủ điều kiện, nhận tiền và bàn giao diện tích đất thu hồi theo đúng quy định*
	Tổng tiền: (D)				**79.825.000**	

4. Các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai PHẢI NỘP (nếu có) (E): Không

5. Phương án tái định cư (F): Không

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (A)+(B)+(C)+(D) **94.531.200 đồng**

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách: (E) + (F) **0 đồng**

V. Tổng số tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV) **94.531.200 đồng**

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;
- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

***Bằng chữ:** Chín mươi tư triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm đồng*

CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG THƯỢNG CÁT TP HÀ NỘI

Lê Thị Thu Hương